TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **TP. HÀ NỘI** **--------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Bản án số: **43**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 tháng 7 năm 2023
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Bà Trần Thị Kim Cúc***

Các Hội thẩm nhân dân : ***1. Bà Trần Thị Kim Dung***

2. Bà Tạ Thị Thà

Thư ký phiên tòa: ***Ông Trần Hải Minh***

- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 144/2023/HSST ngày 09/3/2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST - HS ngày 29/6/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D** - sinh năm 1978
- **Bị đơn: Anh Nguyễn Tăng B** - sinh năm 1976

HKTT: Tổ 7 Đ, phường K, quận H, Hà Nội (đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về tình cảm: chị và anh Nguyễn Tăng B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/11/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, Hà Nội(nay là phường Đ, quận H, Hà Nội). Đây là lần kết hôn đầu tiên của hai vợ chồng. Sau khi kết hôn hai anh chị sống tại địa chỉ tổ 7 Đ, quận H, Hà Nội. Quá trình chung sống phát sinh quá nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là chồng chị thường xuyên uống rượu, chửi bới chị, anh B ghen tuông vô cớ, xúc phạm chị, bản thân chị lại có mâu

thuẫn với gia đình nhà chồng. Kinh tế gia đình không có sự hỗ trợ từ phía chồng, chị không có tiếng nói trong gia đình. Chị đã muốn ly hôn từ lâu nhưng vì con cái nên chị vẫn chưa nộp đơn ra Tòa. Nay chị thấy sức chịu đựng của chị đã quá giới hạn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị D xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 26/12/2006; Nguyễn Hoàng Thu P, sinh ngày 11/5/2007. Cháu N đã đủ 18 tuổi, sức khỏe bình thường, việc cháu ở với ai là quyền của cháu, không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị đề nghị sau khi ly hôn, cháu Phương sẽ ở với bố, chị tự nguyện cấp dưỡng cho con 3 triệu đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung : Anh, chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Chị cam kết vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- ***Bị đơn là anh Nguyễn Tăng B* trình bày**: Anh xác nhận quá trình kết hôn, thời gian chung sống như chị D trình bày. Anh xác định trong hôn nhân, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do chị D hay làm những việc khuất tất, không minh bạch, dẫn đến vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, hay cãi vã. Chị D tự ý bỏ nhà đi không nói với ai nhưng vì gia đình và con cái, anh muốn vợ chồng quay về đoàn tụ.

Về con chung: anh B xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 26/12/2006; Nguyễn Hoàng Thu P, sinh ngày 11/5/2007. Cháu N đã đủ 18 tuổi, sức khỏe bình thường, việc cháu ở với ai là quyền của cháu, không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh đề nghị sau khi ly hôn, cháu Phương sẽ ở với bố, anh không đồng ý mức cấp dưỡng của chị D.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh, chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Anh cam kết vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Tại phiên tòa**: nguyên đơn chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh B . Anh B giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Nếu chị D cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. *Về con chung,* anh, chị nhất trí con chung là cháu P sẽ ở với bố, chị D đề nghị cấp dưỡng 3 triệu đồng/ tháng. Anh B thấy mức cấp dưỡng như vậy là thấp, ba bố con hiện đang rất khó khăn. Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh, chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh, chị không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: giữa chị D và anh B có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân một thời gian, tại phiên tòa, anh B cũng đồng ý ly hôn với chị D nên đề nghị Hội đồng xét ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của hai anh chị. Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 26/12/2006; Nguyễn Hoàng Thu P, sinh ngày 11/5/2007. Cháu N đã đủ 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên không xem xét, giao cháu Nguyễn Hoàng Thu P cho anh Nguyễn Tăng B trực tiếp chăm sóc. Chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng 3 triệu đồng/ tháng cho cháu Thu P. Về tài sản chung và nhà ở chung: anh, chị không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét, về nợ chung: anh, chị cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Tằng B đang trú tại địa chỉ: phường Đ, quận H, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Tăng B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/11/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Đại, huyện T, Hà Nội(nay là phường Đ, quận H, Hà Nội) nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh B là hợp pháp.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ và tài liệu Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: vợ chồng chị D, anh B từ khi kết hôn đã phát sinh những mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, không tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn với bố mẹ chồng. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần để anh chị đoàn tụ nhưng anh chị không tìm được tiếng nói chung. Tại phiên tòa hôm nay, chị D vẫn cương quyết xin ly hôn anh B. Anh B cũng đồng ý ly hôn với chị D. Do vậy, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh B.

[3] Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 26/12/2006; Nguyễn Hoàng Thu P, sinh ngày 11/5/2007. Cháu N đã đủ 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Hoàng Thu P, anh, chị cùng thống nhất sau khi ly hôn, cháu Phương sẽ ở với bố.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: tại phiên tòa, chị D khai hiện nay chị làm công việc hái chè, mức thu nhập 6 triệu đồng/ tháng, chị đề nghị cấp dưỡng cho con 3 triệu đồng/ tháng. Anh B trình bày: hiện nay, anh làm công nhân mức thu nhập 10 triệu đồng/ tháng, bản thân bệnh tật phải lo cho cả ba bố con nên cuộc sống vô cùng khó khăn, bản thân bố mẹ đẻ của anh cũng chỉ có 5 triệu đồng/ tháng nên không thể hỗ trợ cho anh được, mức cấp dưỡng của chị D là thấp nhưng anh cũng không biết phải nói thế nào. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù cả chị D và anh B đều không đưa ra chứng cứ chứng minh thu nhập của mình nhưng căn cứ vào lời trình bày của hai anh, chị thấy: chị D thu nhập 6 triệu đồng/ tháng từ công việc hái chè, do vậy, việc chị D tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 đồng/ tháng là phù hợp với thực tế nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh, chị đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về khoản nợ chung: Anh, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 51,55, 58 và điều 81,82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điều 28,35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Tăng B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Thu P, sinh ngày 11/5/2007 cho anh Nguyễn Tăng B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Nguyễn Thị D cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Hoàng Thu P 3.000.000 đồng/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: chị D và anh B cam kết không có, không đề nghị giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp tại biên lai số AA/2021/0003258 ngày 09/3/2023 của chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chị D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội
(Giấy chứng nhận kết hôn số 43; quyển số 01.99; ngày 18/11/1999);
- Các đương sự
- Lưu HS+ VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Cúc

Nơi nhận:
- *TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;*
- *Ủy ban nhân dân phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội*
- *(Giấy chứng nhận kết hôn số 43; quyển số 01.99; ngày 18/11/1999);*
- *Các đương sự*
- *Lưu HS+ VP*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Cúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;*
- *Ủy ban nhân dân phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội*

(*GiÊy chøng nhËn kÕt h«n sè 43; quyển số 01.99; ngµy 18/11/1999*);
- *Các đương sự*
- *Lưu HS+ VP*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Cúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- *TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;*
- *Ủy ban nhân dân phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội*

(*GiÊy chøng nhËn kÕt h«n sè 43; quyển số 01.99; ngµy 18/11/1999*);
- *Các đương sự*
- *Lưu HS+ VP*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Cúc